

TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY
TỔ XÃ HỘI
Đề chính thức
Mã đề thi: DL9H101

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II
MÔN ĐỊA LÍ 9
Năm học: 2021-2022
Thời gian làm bài: 45 phút
Ngày kiểm tra: 18/4/2022

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm) HS chọn 1 đáp án đúng

Câu 1: Ý nào dưới đây **không** phải là đặc điểm vị trí địa lí của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Nằm ở nơi tiếp giáp với Lào, Cam-pu-chia
- B. Tiếp giáp với nhiều vùng của nước ta.
- C. Có vùng Biển Đông rộng lớn giàu tiềm năng.
- D. Có khoảng cách tương đối gần với các nước trong khu vực.

Câu 2: Di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi thuộc tỉnh/ thành phố nào sau đây của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Tây Ninh. B. Bình Dương. C. TP. Hồ Chí Minh. D. Bình Phước.

Câu 3: Hồ thủy lợi lớn nhất nước ta hiện nay được xây dựng tại Đông Nam Bộ là

- A. Kè Gỗ. B. Dầu Tiếng. C. Trị An. D. Ba Bể.

Câu 4: Trong các mặt hàng xuất khẩu chủ lực sản xuất ở Đông Nam Bộ, **không** có mặt hàng nào sau đây ?

- A. Lúa gạo. B. Dầu thô.
- C. Hàng dệt may. D. Thực phẩm chế biến.

Câu 5: Hiện nay, số tỉnh, thành phố của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là

- A. 6 tỉnh. B. 7 tỉnh. C. 8 tỉnh. D. 9 tỉnh.

Câu 6: Nhà máy thủy điện Thác Mơ nằm trên sông

- A. Đồng Nai B. Bé C. Sài Gòn D. Vàm Cỏ Đông.

Câu 7: Trung tâm công nghiệp khai thác dầu khí của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Thủ Dầu Một. B. Biên Hòa. C. TP. Hồ Chí Minh. D. Vũng Tàu.

Câu 8: Cho bảng số liệu sau : *Tình hình sản xuất thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng và cả nước năm 2018 (Đơn vị : %)*

Sản lượng	Đồng bằng sông Cửu Long	Đồng bằng sông Hồng	Cả nước
Cá biển	41,5	4,6	100,0
Cá nuôi	58,4	22,8	100,0
Tôm nuôi	76,7	3,9	100,0

Biểu đồ thích hợp thể hiện tỉ trọng sản lượng cá biển, cá nuôi và tôm nuôi ở đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng so với cả nước năm 2018 là.

- A. Miền. B. đường. C. cột. D. kết hợp

Câu 9: Các cây ăn quả được trồng nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long là :

- A. xoài, dứa, cam, bưởi. B. vải thiều, nhãn, táo.
- C. chuối, cam, nhãn. D. đào, mận, lê.

Câu 10: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào ở Đồng bằng sông Cửu Long vừa tiếp giáp với Biển Đông vừa tiếp giáp với vịnh Thái Lan ?

A. Cà Mau. B. Kiên Giang. C. An Giang. D. Long An.

Câu 11: Đảo có diện tích lớn nhất và nằm ở vùng biển Tây Nam nước ta là ?

A. Bạch Long B. Côn Đảo C. Phú Quốc. D. Thổ Chu.

Câu 12: Trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đất phù sa ngọt chủ yếu tập trung ở :

A. vùng phía Nam thuộc các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu.

B. dọc hai bên bờ sông Tiền, sông Hậu.

C. Dải đất ven Biển Đông.

D. dải đất ven vịnh Thái Lan.

Câu 13: Trong sản xuất lương thực, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có :

A. năng suất cao nhất nước ta.

B. diện tích lúa đứng thứ 2 nước ta.

C. bình quân lương thực đầu người cao nhất cả nước.

D. tất cả các tỉnh của đồng bằng.

Câu 14: Đất phù sa ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích là

A. 1,2 triệu ha.

B. 2,2 triệu ha.

C. 1,5 triệu ha.

D. 3 triệu ha.

Câu 15: Việt Nam có đường bờ biển dài :

A. 2360 km.

B. 2630 km.

C. 3260 km.

D. 4600 km.

Câu 16: Số tỉnh, thành phố giáp biển ở nước ta là :

A. 14.

B. 32.

C. 28.

D. 63.

Câu 17: Phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển ở nước ta **không** bao gồm ngành nào sau đây ?

A. Khai thác nuôi trồng, chế biến hải sản.

B. Du lịch cộng đồng và văn hóa.

C. Khai thác và chế biến khoáng sản.

D. Giao thông vận tải biển.

Câu 18: Du lịch biển nước ta là phần lớn mới tập trung vào khai thác hoạt động nào sau đây?

A. Hoạt động tắm biển.

B. Du lịch sinh thái.

C. Hoạt động thể thao biển.

D. Du thuyền và lặn biển.

Câu 19: Thực trạng khai thác hải sản xa bờ ở nước ta là :

A. khai thác gấp 2 lần khả năng cho phép.

B. khai thác chỉ bằng 1/5 lần khả năng cho phép.

C. phương tiện khai thác phần lớn là thủ công.

D. khai thác chưa gắn với công nghiệp chế biến.

Câu 20: Điều kiện nào sau đây **không** thuận lợi để xây dựng cảng biển nước ta?

A. Nước ta nằm gần nhiều tuyến đường biển quốc tế.

B. Ven biển có nhiều vũng, vịnh để xây dựng cảng nước sâu.

C. Một số cửa sông thuận lợi cho xây dựng cảng biển.

D. Dọc theo bờ biển có nhiều bãi bồi phù sa.

Câu 21: Hiện tượng ô nhiễm môi trường biển không có biểu hiện nào sau đây ?

- A. Diện tích rừng ngập mặn ở nước ta giảm mạnh.
- B. Nguồn lợi hải sản bị suy giảm đáng kể.
- C. Một số loài sinh vật biển có nguy cơ tuyệt chủng.
- D. Nhiều loài sinh vật biển giảm về mức độ tập trung.

Câu 22: Cho bảng số liệu : *Sản lượng dầu thô khai thác, khí tự nhiên, dầu thô xuất khẩu của nước ta giai đoạn 2000-2015*

Sản lượng	Năm			
	2000	2015	2010	2015
<i>Dầu thô khai thác(triệu tấn)</i>	16,3	18,5	15,0	18,7
<i>Khí tự nhiên (tỉ m³)</i>	1,6	6,4	9,4	10,7
<i>Dầu thô xuất khẩu(triệu tấn)</i>	15,4	18,0	8,1	9,2

Lấy sản lượng dầu thô, khí tự nhiên và dầu thô xuất khẩu năm 2000 bằng 100%, biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình tăng trưởng sản lượng dầu thô khai thác, khí tự nhiên, dầu thô xuất khẩu là

- A. tròn.
- B. đường.
- C. cột.
- D. kết hợp

Câu 23: Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh (thành phố) nào ?

- A. Ninh Thuận.
- B. Bình Thuận.
- C. Đà Nẵng.
- D. Khánh Hòa.

Câu 24: Vùng biển nào sau đây tiếp giáp với đường bờ biển?

- A. Lãnh hải.
- B. Nội thủy.
- C. Vùng tiếp giáp lãnh hải.
- D. Vùng đặc quyền về kinh tế.

Câu 25: Khoáng sản nào có nhiều nhất ở vùng biển Việt Nam?

- A. Than đá.
- B. Sắt.
- C. Dầu khí .
- D. Thiếc.

Câu 26: Vịnh biển đầu tiên của Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới?

- A. Hạ Long.
- B. Nha Trang.
- C. Vân Phong.
- D. Cam Ranh.

Câu 27: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, hãy cho biết các mỏ dầu khí ở nước ta tập trung chủ yếu ở vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng Sông Hồng.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Bắc Trung Bộ
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 28: Các đảo Cát Bà, Bạch Long Vĩ thuộc tỉnh/ thành phố nào sau đây?

- A. Thái Bình.
- B. Quảng Ninh.
- C. Hải Phòng.
- D. Nam Định.

II. Tự luận (3 điểm): Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam và những kiến thức đã học, hãy trình bày đặc điểm của biển và đảo Việt Nam.

-----Hết-----

Ghi chú : Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục phát hành.

TRƯỜNG THCS NGỌC THUY
TỔ XÃ HỘI
Đề chính thức
Mã đề thi: DL9II102

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II
MÔN ĐỊA LÍ 9
Năm học: 2021-2022
Thời gian làm bài: 45 phút
Ngày kiểm tra: /4/2022

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm) HS chọn 1 đáp án đúng

Câu 1: Trong các mặt hàng xuất khẩu chủ lực sản xuất ở Đông Nam Bộ, **không** có mặt hàng nào sau đây ?

- A. Lúa gạo. B. Dầu thô.
C. Hàng dệt may. D. Thực phẩm chế biến.

Câu 2: Hiện nay, số tỉnh, thành phố của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là

- A. 6 tỉnh. B. 8 tỉnh. C. 8 tỉnh. D. 9 tỉnh.

Câu 3: Nhà máy thủy điện Thác Mơ nằm trên sông

- A. Đồng Nai B. Bé C. Sài Gòn D. Vàm Cỏ Đông.

Câu 4: Trung tâm công nghiệp khai thác dầu khí của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Thủ Dầu Một. B. Biên Hòa. C. TP. Hồ Chí Minh. D. Vũng Tàu.

Câu 5: Cho bảng số liệu sau :*Tình hình sản xuất thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng và cả nước năm 2018 (Đơn vị : %)*

Sản lượng	Đồng bằng sông Cửu Long	Đồng bằng sông Hồng	Cả nước
Cá biển	41,5	4,6	100,0
Cá nuôi	58,4	22,8	100,0
Tôm nuôi	76,7	3,9	100,0

Biểu đồ thích hợp thể hiện tỉ trọng sản lượng cá biển, cá nuôi và tôm nuôi ở đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng so với cả nước năm 2018 là.

- A. Miền. B. đường. C. cột. D. kết hợp

Câu 6: Các cây ăn quả được trồng nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long là :

- A. xoài, dừa, cam, bưởi. B. vải thiều, nhãn, táo.
C. chuối, cam, nhãn. D. đào, mận, lê.

Câu 7: Phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển ở nước ta **không** bao gồm ngành nào sau đây ?

- A. Khai thác nuôi trồng, chế biến hải sản. B. Du lịch cộng đồng và văn hóa.
C. Khai thác và chế biến khoáng sản. D. Giao thông vận tải biển.

Câu 8: Du lịch biển nước ta là phần lớn mới tập trung vào khai thác hoạt động nào sau đây?

- A. Hoạt động tắm biển B. Du lịch sinh thái
C. Hoạt động thể thao biển D. Du thuyền và lặn biển

Câu 9: Thực trạng khai thác hải sản xa bờ ở nước ta là :

- A. khai thác gấp 2 lần khả năng cho phép.
B. khai thác chỉ bằng 1/5 lần khả năng cho phép.
C. phương tiện khai thác phần lớn là thủ công.

D. khai thác chưa gắn với công nghiệp chế biến.

Câu 10: Điều kiện nào sau đây **không** thuận lợi để xây dựng cảng biển nước ta?

- A. Nước ta nằm gần nhiều tuyến đường biển quốc tế.
- B. Ven biển có nhiều vũng, vịnh để xây dựng cảng nước sâu.
- C. Một số cửa sông thuận lợi cho xây dựng cảng biển.
- D. Dọc theo bờ biển có nhiều bãi bồi phù sa.

Câu 11: Hiện tượng ô nhiễm môi trường biển không có biểu hiện nào sau đây ?

- A. Diện tích rừng ngập mặn ở nước ta giảm mạnh.
- B. Nguồn lợi hải sản bị suy giảm đáng kể.
- C. Một số loài sinh vật biển có nguy cơ tuyệt chủng.
- D. Nhiều loài sinh vật biển giảm về mức độ tập trung.

Câu 12: Ý nào dưới đây không phải là đặc điểm vị trí địa lí của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Nằm ở nơi tiếp giáp với Lào, Cam-pu-chia.
- B. Tiếp giáp với nhiều vùng của nước ta.
- C. Có vùng Biển Đông rộng lớn giàu tiềm năng.
- D. Có khoảng cách tương đối gần với các nước trong khu vực.

Câu 13: Di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi thuộc tỉnh/ thành phố nào sau đây của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Tây Ninh. B. Bình Dương. C. TP. Hồ Chí Minh. D. Bình Phước.

Câu 14: Hồ thủy lợi lớn nhất nước ta hiện nay được xây dựng tại Đông Nam Bộ là

- A. Kẻ Gỗ. B. Dầu Tiếng. C. Ba Bể. D. Trị An.

Câu 15: Cho bảng số liệu : *Sản lượng dầu thô khai thác, khí tự nhiên, dầu thô xuất khẩu của nước ta giai đoạn 2000-2015*

Sản lượng	Năm			
	2000	2015	2010	2015
<i>Dầu thô khai thác(triệu tấn)</i>	16,3	18,5	15,0	18,7
<i>Khí tự nhiên(tỉ m³)</i>	1,6	6,4	9,4	10,7
<i>Dầu thô xuất khẩu(triệu tấn)</i>	15,4	18,0	8,1	9,2

Lấy sản lượng dầu thô, khí tự nhiên và dầu thô xuất khẩu năm 2000 bằng 100%, biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình tăng trưởng sản lượng dầu thô khai thác, khí tự nhiên, dầu thô xuất khẩu là

- A. tròn. B. đường. C. cột. D. kết hợp

Câu 16: Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh (thành phố) nào ?

- A. Ninh Thuận. B. Bình Thuận. C. Đà Nẵng. D. Khánh Hòa.

Câu 17: Vùng biển nào sau đây tiếp giáp với đường bờ biển?

- A. Lãnh hải. B. Nội thủy.
- C. Vùng tiếp giáp lãnh hải. D. Vùng đặc quyền về kinh tế.

Câu 18: Vịnh biển đầu tiên nào của Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới?

A. Hạ Long B. Nha Trang C. Vân Phong D. Cam Ranh

Câu 19: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, hãy cho biết các mỏ dầu khí ở nước ta tập trung chủ yếu ở vùng nào sau đây?

A. Đồng bằng Sông Hồng. B. Đồng bằng sông Cửu Long
C. Bắc Trung Bộ D. Đông Nam Bộ

Câu 20: Các đảo Cát Bà, Bạch Long Vĩ thuộc tỉnh/ thành phố nào sau đây?

A. Thái Bình. B. Quảng Ninh.
C. Hải Phòng. D. Nam Định.

Câu 21: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào ở Đồng bằng sông Cửu Long vừa tiếp giáp với Biển Đông vừa tiếp giáp với vịnh Thái Lan ?

A. Cà Mau. B. Kiên Giang. C. An Giang. D. Long An.

Câu 22: Đảo có diện tích lớn nhất và nằm ở vùng biển Tây Nam nước ta là ?

A. Bạch Long B. Côn Đảo C. Phú Quốc. D. Thổ Chu

Câu 23: Trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đất phù sa ngọt chủ yếu tập trung ở :

A. vùng phía Nam thuộc các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu.
B. dọc hai bên bờ sông Tiền, sông Hậu.
C. Dải đất ven Biển Đông.
D. dải đất ven vịnh Thái Lan.

Câu 24: Trong sản xuất lương thực, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có :

A. năng suất cao nhất nước ta.
B. diện tích lúa đứng thứ 2 nước ta.
C. bình quân lương thực đầu người cao nhất cả nước.
D. tất cả các tỉnh của đồng bằng.

Câu 25: Đất phù sa ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích là

A. 1,2 triệu ha. B. 2,2 triệu ha.
C. 1,5 triệu ha. D. 3 triệu ha.

Câu 26: Việt Nam có đường bờ biển dài :

A. 2360 km. B. 2630 km. C. 3260 km. D. 4600 km.

Câu 27: Số tỉnh, thành phố giáp biển ở nước ta là :

A. 14. B. 28. C. 32. D. 63.

Câu 28: Khoáng sản nào có nhiều nhất ở vùng biển Việt Nam?

A. Than đá B. Sắt C. Dầu khí D. Thiếc

II. Tự luận (3 điểm): Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và những kiến thức đã học, hãy trình bày đặc điểm của biển và đảo Việt Nam.

-----Hết-----

Ghi chú : Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục phát hành.

TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY
TỔ XÃ HỘI
Đề chính thức
Mã đề thi: DL9II103

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II
MÔN ĐỊA LÍ 9
Năm học: 2021-2022
Thời gian làm bài: 45 phút
Ngày kiểm tra: 18/4/2022

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm) HS chọn 1 đáp án đúng

Câu 1: Trong sản xuất lương thực, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có :

- A. năng suất cao nhất nước ta.
- B. diện tích lúa đứng thứ 2 nước ta.
- C. bình quân lương thực đầu người cao nhất cả nước.
- D. tất cả các tỉnh của đồng bằng.

Câu 2: Đất phù sa ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích là

- A. 1,2 triệu ha.
- B. 2,2 triệu ha.
- C. 1,5 triệu ha.
- D. 3 triệu ha.

Câu 3: Việt Nam có đường bờ biển dài :

- A. 2360 km.
- B. 2630 km.
- C. 3260 km.
- D. 4600 km.

Câu 4: Số tỉnh, thành phố giáp biển ở nước ta là :

- A. 14.
- B. 28.
- C. 32.
- D. 63.

Câu 5: Khoáng sản nào có nhiều nhất ở vùng biển Việt Nam?

- A. Than đá
- B. Sắt
- C. Dầu khí
- D. Thiếc

Câu 6: Hiện tượng ô nhiễm môi trường biển không có biểu hiện nào sau đây ?

- A. Diện tích rừng ngập mặn ở nước ta giảm mạnh.
- B. Nguồn lợi hải sản bị suy giảm đáng kể.
- C. Một số loài sinh vật biển có nguy cơ tuyệt chủng.
- D. Nhiều loài sinh vật biển giảm về mức độ tập trung.

Câu 7: Ý nào dưới đây không phải là đặc điểm vị trí địa lí của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Nằm ở nơi tiếp giáp với Lào, Cam-pu-chia.
- B. Tiếp giáp với nhiều vùng của nước ta.
- C. Có vùng Biển Đông rộng lớn giàu tiềm năng.
- D. Có khoảng cách tương đối gần với các nước trong khu vực.

Câu 8: Di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi thuộc tỉnh/ thành phố nào sau đây của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Tây Ninh.
- B. Bình Dương.
- C. Bình Phước.
- D. TP. Hồ Chí Minh.

Câu 9: Hồ thủy lợi lớn nhất nước ta hiện nay được xây dựng tại Đông Nam Bộ là

- A. Kẻ Gỗ.
- B. Dầu Tiếng.
- C. Trị An.
- D. Ba Bể.

Câu 10: Trong các mặt hàng xuất khẩu chủ lực sản xuất ở Đông Nam Bộ, **không** có mặt hàng nào sau đây ?

- A. Lúa gạo.
- B. Dầu thô.
- C. Hàng dệt may.
- D. Thực phẩm chế biến.

Câu 11: Hiện nay, số tỉnh, thành phố của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là

- A. Thái Bình. B. Quảng Ninh.
C. Hải Phòng. D. Nam Định.

Câu 21: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào ở Đồng bằng sông Cửu Long vừa tiếp giáp với Biển Đông vừa tiếp giáp với vịnh Thái Lan ?

- A. Cà Mau. B. Kiên Giang. C. An Giang. D. Long An.

Câu 22: Vịnh biển đầu tiên nào của Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới?

- A. Hạ Long B. Nha Trang C. Vân Phong D. Cam Ranh

Câu 23: Trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đất phù sa ngọt chủ yếu tập trung ở :

- A. vùng phía Nam thuộc các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu.
B. dọc hai bên bờ sông Tiền, sông Hậu.
C. dải đất ven Biển Đông.
D. dải đất ven vịnh Thái Lan.

Câu 24: Các cây ăn quả được trồng nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long là :

- A. xoài, dừa, cam, bưởi. B. vải thiều, nhãn, táo.
C. chuối, cam, nhãn. D. đào, mận, lê.

Câu 25: Phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển ở nước ta **không** bao gồm ngành nào sau đây ?

- A. Khai thác nuôi trồng, chế biến hải sản. B. Du lịch cộng đồng và văn hóa.
C. Khai thác và chế biến khoáng sản. D. Giao thông vận tải biển.

Câu 26: Du lịch biển nước ta là phần lớn mới tập trung vào khai thác hoạt động nào sau đây?

- A. Hoạt động tắm biển B. Du lịch sinh thái
C. Hoạt động thể thao biển D. Du thuyền và lặn biển

Câu 27: Thực trạng khai thác hải sản xa bờ ở nước ta là :

- A. khai thác gấp 2 lần khả năng cho phép.
B. khai thác chỉ bằng 1/5 lần khả năng cho phép.
C. phương tiện khai thác phần lớn là thủ công.
D. khai thác chưa gắn với công nghiệp chế biến.

Câu 28: Điều kiện nào sau đây **không** thuận lợi để xây dựng cảng biển nước ta?

- A. Nước ta nằm gần nhiều tuyến đường biển quốc tế.
B. Ven biển có nhiều vũng, vịnh để xây dựng cảng nước sâu.
C. Một số cửa sông thuận lợi cho xây dựng cảng biển.
D. Dọc theo bờ biển có nhiều bãi bồi phù sa.

II. Tự luận (3 điểm): Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam và những kiến thức đã học, hãy trình bày đặc điểm của biển và đảo Việt Nam.

-----Hết-----

Ghi chú : Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục phát hành.

Câu 19: Vịnh biển đầu tiên nào của Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới?

- A. Hạ Long B. Nha Trang C. Vân Phong D. Cam Ranh

Câu 20: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, hãy cho biết các mỏ dầu khí ở nước ta tập trung chủ yếu ở vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng Sông Hồng. B. Đồng bằng sông Cửu Long
C. Bắc Trung Bộ D. Đông Nam Bộ

Câu 21: Các đảo Cát Bà, Bạch Long Vĩ thuộc tỉnh/ thành phố nào sau đây?

- A. Thái Bình. B. Quảng Ninh.
C. Hải Phòng. D. Nam Định.

Câu 22: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào ở Đồng bằng sông Cửu Long vừa tiếp giáp với Biển Đông vừa tiếp giáp với vịnh Thái Lan ?

- A. Cà Mau. B. Kiên Giang. C. An Giang. D. Long An.

Câu 23: Đảo có diện tích lớn nhất và nằm ở vùng biển Tây Nam nước ta là ?

- A. Bạch Long B. Côn Đảo C. Phú Quốc. D. Thổ Chu

Câu 24: Trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đất phù sa ngọt chủ yếu tập trung ở :

- A. vùng phía Nam thuộc các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu.
B. dọc hai bên bờ sông Tiền, sông Hậu.
C. dải đất ven Biển Đông.
D. dải đất ven vịnh Thái Lan.

Câu 25: Trong sản xuất lương thực, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có :

- A. năng suất cao nhất nước ta.
B. diện tích lúa đứng thứ 2 nước ta.
C. bình quân lương thực đầu người cao nhất cả nước.
D. tất cả các tỉnh của đồng bằng.

Câu 26: Đất phù sa ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích là

- A. 1,2 triệu ha. B. 2,2 triệu ha.
C. 1,5 triệu ha. D. 3 triệu ha.

Câu 27: Việt Nam có đường bờ biển dài :

- A. 2360 km. B. 2630 km. C. 3260 km. D. 4600 km.

Câu 28: Số tỉnh, thành phố giáp biển ở nước ta là:

- A. 14. B. 28. C. 32. D. 63.

II. Tự luận (3 điểm): Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và những kiến thức đã học, hãy trình bày đặc điểm của biển và đảo Việt Nam.

-----Hết-----

Ghi chú : Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục phát hành.

TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY
TỔ XÃ HỘI
Nhóm Địa 9

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II
MÔN ĐỊA LÍ 9

Năm học: 2021-2022

Thời gian làm bài: 45 phút

Ngày kiểm tra: 18 /4/2022

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức :

- Kiểm tra những kiến thức đã học của học sinh về các đặc điểm về vị trí địa lí, giới hạn, các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, đặc điểm dân cư - xã hội và tình hình phát triển kinh tế của các vùng miền sau:

- Vùng Đông Nam Bộ.
- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
- Phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo.

2. Kỹ năng :

- Rèn kỹ năng nhận xét và phân tích bảng số liệu.
- Vận dụng kiến thức đã học để giải thích, liên hệ thực tế.

3. Thái độ :

- Nghiêm túc trong thi cử và làm bài kiểm tra.

II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Kiến thức, kỹ năng	Mức độ, kiến thức, kỹ năng								Tổng
	Biết 40%		Hiểu 30%		Vận dụng 20%		Vận dụng cao 10%		
	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	
1. Đông Nam Bộ		1câu 0.25đ		2 câu 0.5đ		2 câu 0.5đ		2câu 0.5đ	7 câu 1,75đ
2. Đồng bằng sông Cửu Long		1câu 0.25đ		2câu 0.5đ		2 câu 0.5đ		2câu 0.5đ	7 câu 1.75đ
3. Phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo	1câu 3.0đ	2 câu 0.5đ		8câu 2.0đ		4 câu 1.0đ			15 câu 6.5 đ
Tổng	5 câu 4.0đ		12 câu 3.0đ		8 câu 2.0đ		4 câu 1.0đ		29 câu 10đ

Người ra đề

Tổ trưởng chuyên môn

Ban giám hiệu

Tráng Thị Thu Hà

Lê Triệu Oanh

Đặng Sỹ Đức

TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY
TỔ XÃ HỘI
Đề dự phòng
Mã đề thi: DL9II201

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II
MÔN ĐỊA LÍ 9
Năm học: 2021-2022
Thời gian làm bài: 45 phút
Ngày kiểm tra: 18/4/2022

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm) HS chọn 1 đáp án đúng

Câu 1: Trung tâm công nghiệp lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ là?

A. Thủ Dầu Một. B. Vũng Tàu. C. TP. Hồ Chí Minh. D. Bình Phước.

Câu 2: Ý nào dưới đây không phải là đặc điểm vị trí địa lí của vùng Đông Nam Bộ?

A. Nằm ở nơi tiếp giáp với Lào, Cam-pu-chia.

B. Tiếp giáp với nhiều vùng của nước ta.

C. Có vùng Biển Đông rộng lớn giàu tiềm năng.

D. Có khoảng cách tương đối gần với các nước trong khu vực.

Câu 3: Trong các mặt hàng xuất khẩu chủ lực sản xuất ở Đông Nam Bộ, không có mặt hàng nào sau đây ?

A. Lúa gạo.

B. Dầu thô.

C. Hàng dệt may.

D. Thực phẩm chế biến.

Câu 4: Hiện nay, số tỉnh, thành phố của vùng Đông Nam Bộ là

A. 6 tỉnh.

B. 7 tỉnh.

C. 8 tỉnh.

D. 9 tỉnh.

Câu 5: Nhà máy thủy điện Thác Mơ nằm trên sông

A. Đồng Nai

B. Bé

C. Sài Gòn

D. Vàm Cỏ Đông.

Câu 6: Hồ thủy lợi lớn nhất nước ta hiện nay được xây dựng tại Đông Nam Bộ là

A. Kẻ Gỗ.

B. Dầu Tiếng.

C. Trị An.

D. Ba Bể.

Câu 7: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh trồng nhiều cao su nhất ở Đông Nam Bộ là

A. Bình Dương.

B. Đồng Nai.

C. Tây Ninh.

D. Bình Phước.

Câu 8: Loại đất nào sau đây chiếm diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long ?

A. Đất Phèn.

B. Đất phù sa ngọt.

C. Đất Mặn.

D. Đất feralit.

Câu 9: Trong tổng sản lượng thủy sản của cả nước, Đồng bằng sông Cửu Long luôn chiếm khoảng:

A. hơn 12 %.

B. hơn 20 %.

C. hơn 50 %.

D. hơn 80 %.

Câu 10: Sản phẩm nào sau đây không phải là mặt hàng xuất khẩu chủ lực ở Đồng bằng sông Cửu Long ?

A. Lúa gạo.

B. Thủy sản đông lạnh.

C. Hoa quả.

D. Gia cầm chế biến.

Câu 11: Các cây ăn quả được trồng nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long là :

A. xoài, dứa, cam, bưởi.

B. vải thiều, nhãn, táo.

C. chuối, cam, nhãn.

D. đào, mận, lê.

D. Nhiều loài sinh vật biển giảm về mức độ tập trung.

Câu 20: Các đảo Cát Bà, Bạch Long Vĩ thuộc tỉnh/ thành phố nào sau đây?

- A. Thái Bình. B. Quảng Ninh.
C. Hải Phòng. D. Nam Định.

Câu 21: Cho bảng số liệu : Sản lượng dầu thô khai thác, khí tự nhiên, dầu thô xuất khẩu của nước ta giai đoạn 2000-2015

Sản lượng	Năm			
	2000	2015	2010	2015
Dầu thô khai thác(triệu tấn)	16,3	18,5	15,0	18,7
Khí tự nhiên(tỉ m ³)	1,6	6,4	9,4	10,7
Dầu thô xuất khẩu(triệu tấn)	15,4	18,0	8,1	9,2

Dựa vào bảng số liệu cho biết nhận định nào sau đây đúng với sản lượng dầu thô và dầu thô xuất khẩu nước ta giai đoạn 2000-2015 ?

- A. Dầu thô xuất khẩu chiếm 49,1% dầu thô khai thác năm 2000
B. Dầu thô xuất khẩu chiếm 94,4% dầu thô khai thác năm 2015
C. Tỷ trọng dầu thô xuất khẩu ngày càng tăng trong sản lượng dầu thô khai thác
D. Tỷ trọng dầu thô xuất khẩu ngày càng giảm trong sản lượng dầu thô khai thác

Câu 22: Quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh (thành phố) nào ?

- A. Ninh Thuận. B. Bình Thuận. C. Đà Nẵng. D. Khánh Hòa.

Câu 23: Bờ biển nước ta dài bao nhiêu km và có bao nhiêu tỉnh, thành phố nằm giáp biển?

- A. 3620 km – 21 tỉnh và thành phố B. 3260 km – 28 tỉnh và thành phố
C. 3260 km – 18 tỉnh và thành phố D. 3602 km – 31 tỉnh và thành phố

Câu 24: Vịnh biển đầu tiên nào của Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới?

- A. Hạ Long B. Nha Trang C. Vân Phong D. Cam Ranh

Câu 25: Khoáng sản nào có nhiều nhất ở vùng biển Việt Nam?

- A. Than đá B. Sắt C. Dầu khí D. Thiếc

Câu 26: Đảo có diện tích lớn nhất và nằm ở vùng biển Tây Nam nước ta là ?

- A. Bạch Long B. Côn Đảo C. Phú Quốc. D. Thổ Chu

Câu 27: Vùng biển nào sau đây tiếp giáp với đường bờ biển?

- A. Lãnh hải. B. Nội thủy.
C. Vùng tiếp giáp lãnh hải. D. Vùng đặc quyền về kinh tế.

Câu 28: Số lượng loài cá trên vùng biển nước ta khoảng

- A. 100 loài. B. 110 loài. C. 120 loài. D. 2000 loài.

II. Tự luận(3 điểm): Nước ta đang phát triển các ngành kinh tế biển nào ? Nêu các phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển đảo?

-----Hết-----

Ghi chú : Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục phát hành.

- A. Dầu thô xuất khẩu chiếm 49,1% dầu thô khai thác năm 2000
- B. Dầu thô xuất khẩu chiếm 94,4% dầu thô khai thác năm 2015
- C. Tỷ trọng dầu thô xuất khẩu ngày càng tăng trong sản lượng dầu thô khai thác
- D. Tỷ trọng dầu thô xuất khẩu ngày càng giảm trong sản lượng dầu thô khai thác

Câu 8: Trung tâm công nghiệp lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ là?

- A. Thủ Dầu Một. B. Vũng Tàu. C. TP. Hồ Chí Minh. D. Bình Phước.

Câu 9: Ý nào dưới đây không phải là đặc điểm vị trí địa lí của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Nằm ở nơi tiếp giáp với Lào, Cam-pu-chia.
- B. Tiếp giáp với nhiều vùng của nước ta.
- C. Có vùng Biển Đông rộng lớn giàu tiềm năng.
- D. Có khoảng cách tương đối gần với các nước trong khu vực.

Câu 10: Trong các mặt hàng xuất khẩu chủ lực sản xuất ở Đông Nam Bộ, không có mặt hàng nào sau đây ?

- A. Lúa gạo. B. Dầu thô.
- C. Hàng dệt may. D. Thực phẩm chế biến.

Câu 11: Hiện nay, số tỉnh, thành phố của vùng Đông Nam Bộ là

- A. 6 tỉnh. B. 7 tỉnh. C. 8 tỉnh. D. 9 tỉnh.

Câu 12: Quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh (thành phố) nào ?

- A. Ninh Thuận. B. Bình Thuận. C. Đà Nẵng. D. Khánh Hòa.

Câu 13: Bờ biển nước ta dài bao nhiêu km và có bao nhiêu tỉnh, thành phố nằm giáp biển?

- A. 3620 km – 21 tỉnh và thành phố B. 3260 km – 28 tỉnh và thành phố
- C. 3260 km – 18 tỉnh và thành phố D. 3602 km – 31 tỉnh và thành phố

Câu 14: Vịnh biển đầu tiên nào của Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới?

- A. Hạ Long B. Nha Trang C. Vân Phong D. Cam Ranh

Câu 15: Khoáng sản nào có nhiều nhất ở vùng biển Việt Nam?

- A. Than đá B. Sắt C. Dầu khí D. Thiếc

Câu 16: Đảo có diện tích lớn nhất và nằm ở vùng biển Tây Nam nước ta là ?

- A. Bạch Long B. Côn Đảo C. Phú Quốc. D. Thổ Chu

Câu 17: Vùng biển nào sau đây tiếp giáp với đường bờ biển?

- A. Lãnh hải. B. Nội thủy.
- C. Vùng tiếp giáp lãnh hải. D. Vùng đặc quyền về kinh tế.

Câu 18: Số lượng loài cá trên vùng biển nước ta khoảng?

- A. 100 loài. B. 110 loài. C. 120 loài. D. 2000 loài.

Câu 19: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh trồng nhiều cao su nhất ở Đông Nam Bộ là

- A. Bình Dương. B. Đồng Nai. C. Tây Ninh. D. Bình Phước.

Câu 20: Loại đất nào sau đây chiếm diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long ?

- A. Đất Phèn. B. Đất phù sa ngọt.
- C. Đất Mặn. D. Đất feralit.

TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY
TỔ XÃ HỘI
Đề dự phòng
Mã đề thi: DL9II203

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II
MÔN ĐỊA LÍ 9
Năm học: 2021-2022
Thời gian làm bài: 45 phút
Ngày kiểm tra: 18/4/2022

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm) HS chọn 1 đáp án đúng

Câu 1: Khoáng sản nào có nhiều nhất ở vùng biển Việt Nam?

- A. Than đá B. Sắt C. Dầu khí D. Thiếc

Câu 2: Đảo có diện tích lớn nhất và nằm ở vùng biển Tây Nam nước ta là ?

- A. Bạch Long B. Côn Đảo C. Phú Quốc. D. Thổ Chu

Câu 3: Vùng biển nào sau đây tiếp giáp với đường bờ biển?

- A. Lãnh hải. B. Nội thủy.
C. Vùng tiếp giáp lãnh hải. D. Vùng đặc quyền về kinh tế.

Câu 4: Số lượng loài cá trên vùng biển nước ta khoảng?

- A. 100 loài. B. 110 loài. C. 120 loài. D. 2000 loài.

Câu 5: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh trồng nhiều cao su nhất ở Đông Nam Bộ là

- A. Bình Dương. B. Đồng Nai. C. Tây Ninh. D. Bình Phước.

Câu 6: Loại đất nào sau đây chiếm diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long ?

- A. Đất Phèn. B. Đất phù sa ngọt.
C. Đất Mặn. D. Đất feralit.

Câu 7: Trong tổng sản lượng thủy sản của cả nước, Đồng bằng sông Cửu Long luôn chiếm khoảng:

- A. hơn 12 %. B. hơn 20 %. C. hơn 50 %. D. hơn 80 %.

Câu 8: Trung tâm công nghiệp lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ là?

- A. Thủ Dầu Một. B. Vũng Tàu. C. TP. Hồ Chí Minh. D. Bình Phước.

Câu 9: Ý nào dưới đây không phải là đặc điểm vị trí địa lí của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Nằm ở nơi tiếp giáp với Lào, Cam-pu-chia.
B. Tiếp giáp với nhiều vùng của nước ta.
C. Có vùng Biển Đông rộng lớn giàu tiềm năng.

D. Có khoảng cách tương đối gần với các nước trong khu vực.

Câu 10: Trong các mặt hàng xuất khẩu chủ lực sản xuất ở Đông Nam Bộ, không có mặt hàng nào sau đây ?

- A. Lúa gạo. B. Dầu thô.
C. Hàng dệt may. D. Thực phẩm chế biến.

Câu 11: Hiện nay, số tỉnh, thành phố của vùng Đông Nam Bộ là

- A. 6 tỉnh. B. 7 tỉnh. C. 8 tỉnh. D. 9 tỉnh.

Câu 12: Quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh (thành phố) nào ?

- A. Ninh Thuận. B. Bình Thuận. C. Đà Nẵng. D. Khánh Hòa.

Câu 23: Du lịch biển nước ta là phần lớn mới tập trung vào khai thác hoạt động nào sau đây?

- A. Hoạt động tắm biển
- B. Du lịch sinh thái
- C. Hoạt động thể thao biển
- D. Du thuyền và lặn biển

Câu 24: Thực trạng khai thác hải sản xa bờ ở nước ta là :

- A. khai thác gấp 2 lần khả năng cho phép.
- B. khai thác chỉ bằng 1/5 lần khả năng cho phép.
- C. phương tiện khai thác phần lớn là thủ công.
- D. khai thác chưa gắn với công nghiệp chế biến.

Câu 25: Điều kiện nào sau đây không thuận lợi để xây dựng cảng biển nước ta?

- A. Nước ta nằm gần nhiều tuyến đường biển quốc tế.
- B. Ven biển có nhiều vũng, vịnh để xây dựng cảng nước sâu.
- C. Một số cửa sông thuận lợi cho xây dựng cảng biển.
- D. Dọc theo bờ biển có nhiều bãi bồi phù sa.

Câu 26: Hiện tượng ô nhiễm môi trường biển không có biểu hiện nào sau đây ?

- A. Diện tích rừng ngập mặn ở nước ta giảm mạnh.
- B. Nguồn lợi hải sản bị suy giảm đáng kể.
- C. Một số loài sinh vật biển có nguy cơ tuyệt chủng.
- D. Nhiều loài sinh vật biển giảm về mức độ tập trung.

Câu 27: Các đảo Cát Bà, Bạch Long Vĩ thuộc tỉnh/ thành phố nào sau đây?

- A. Thái Bình.
- B. Quảng Ninh.
- C. Hải Phòng.
- D. Nam Định.

Câu 28: Cho bảng số liệu : Sản lượng dầu thô khai thác, khí tự nhiên, dầu thô xuất khẩu của nước ta giai đoạn 2000-2015

Sản lượng	Năm			
	2000	2015	2010	2015
Dầu thô khai thác(triệu tấn)	16,3	18,5	15,0	18,7
Khí tự nhiên(tỉ m ³)	1,6	6,4	9,4	10,7
Dầu thô xuất khẩu(triệu tấn)	15,4	18,0	8,1	9,2

Dựa vào bảng số liệu cho biết nhận định nào sau đây đúng với sản lượng dầu thô và dầu thô xuất khẩu nước ta giai đoạn 2000-2015 ?

- A. Dầu thô xuất khẩu chiếm 49,1% dầu thô khai thác năm 2000
- B. Dầu thô xuất khẩu chiếm 94,4% dầu thô khai thác năm 2015
- C. Tỷ trọng dầu thô xuất khẩu ngày càng tăng trong sản lượng dầu thô khai thác
- D. Tỷ trọng dầu thô xuất khẩu ngày càng giảm trong sản lượng dầu thô khai thác

II. Tự luận(3 điểm): Nước ta đang phát triển các ngành kinh tế biển nào ? Nêu các phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển đảo?

-----Hết-----

Ghi chú : Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục phát hành.

TRƯỜNG THCS NGỌC THUY
TỔ XÃ HỘI
Đề dự phòng
Mã đề thi: DL9II204

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II
MÔN ĐỊA LÍ 9
Năm học: 2021-2022
Thời gian làm bài: 45 phút
Ngày kiểm tra: 18/4/2022

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm) HS chọn 1 đáp án đúng

Câu 1: Cho bảng số liệu : Sản lượng dầu thô khai thác, khí tự nhiên, dầu thô xuất khẩu của nước ta giai đoạn 2000-2015

Năm	Năm			
	2000	2015	2010	2015
Sản lượng				
Dầu thô khai thác(triệu tấn)	16,3	18,5	15,0	18,7
Khí tự nhiên(tỉ m ³)	1,6	6,4	9,4	10,7
Dầu thô xuất khẩu(triệu tấn)	15,4	18,0	8,1	9,2

Dựa vào bảng số liệu cho biết nhận định nào sau đây đúng với sản lượng dầu thô và dầu thô xuất khẩu nước ta giai đoạn 2000-2015 ?

- A. Dầu thô xuất khẩu chiếm 49,1% dầu thô khai thác năm 2000
- B. Dầu thô xuất khẩu chiếm 94,4% dầu thô khai thác năm 2015
- C. Tỷ trọng dầu thô xuất khẩu ngày càng tăng trong sản lượng dầu thô khai thác
- D. Tỷ trọng dầu thô xuất khẩu ngày càng giảm trong sản lượng dầu thô khai thác

Câu 2: Trong tổng sản lượng thủy sản của cả nước, Đồng bằng sông Cửu Long luôn chiếm khoảng:

- A. hơn 12 %.
- B. hơn 20 %.
- C. hơn 50 %.
- D. hơn 80 %.

Câu 3: Trung tâm công nghiệp lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ là?

- A. Thủ Dầu Một.
- B. Vũng Tàu.
- C. TP. Hồ Chí Minh.
- D. Bình Phước.

Câu 4: Ý nào dưới đây không phải là đặc điểm vị trí địa lí của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Nằm ở nơi tiếp giáp với Lào, Cam-pu-chia.
- B. Tiếp giáp với nhiều vùng của nước ta.
- C. Có vùng Biển Đông rộng lớn giàu tiềm năng.
- D. Có khoảng cách tương đối gần với các nước trong khu vực.

Câu 5: Trong các mặt hàng xuất khẩu chủ lực sản xuất ở Đông Nam Bộ, không có mặt hàng nào sau đây ?

- A. Lúa gạo.
- B. Dầu thô.
- C. Hàng dệt may.
- D. Thực phẩm chế biến.

Câu 6: Hiện nay, số tỉnh, thành phố của vùng Đông Nam Bộ là

- A. 6 tỉnh.
- B. 7 tỉnh.
- C. 8 tỉnh.
- D. 9 tỉnh.

Câu 7: Quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh (thành phố) nào ?

- A. Ninh Thuận.
- B. Bình Thuận.
- C. Đà Nẵng.
- D. Khánh Hòa.

Câu 8: Bờ biển nước ta dài bao nhiêu km và có bao nhiêu tỉnh, thành phố nằm giáp biển?

- A. 3620 km – 21 tỉnh và thành phố
- B. 3260 km – 28 tỉnh và thành phố
- C. 3260 km – 18 tỉnh và thành phố
- D. 3602 km – 31 tỉnh và thành phố

C. Vùng tiếp giáp lãnh hải. D. Vùng đặc quyền về kinh tế.

Câu 21: Số lượng loài cá trên vùng biển nước ta khoảng ?

A. 100 loài. B. 110 loài. C. 120 loài. D. 2000 loài.

Câu 22: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh trồng nhiều cao su nhất ở Đông Nam Bộ là

A. Bình Dương. B. Đồng Nai. C. Tây Ninh. D. Bình Phước.

Câu 23: Loại đất nào sau đây chiếm diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long ?

A. Đất Phèn. B. Đất phù sa ngọt.

C. Đất Mặn. D. Đất feralit.

Câu 24: Các cây ăn quả được trồng nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long là :

A. xoài, dứa, cam, bưởi. B. vải thiều, nhãn, táo.

C. chuối, cam, nhãn. D. đào, mận, lê.

Câu 25: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào ở Đồng bằng sông Cửu Long vừa tiếp giáp với Biển Đông vừa tiếp giáp với vịnh Thái Lan ?

A. Cà Mau. B. Kiên Giang. C. An Giang. D. Long An.

Câu 26: Cho bảng số liệu: **Sản lượng thủy sản, giá trị sản xuất thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước năm 2015**

Vùng	Sản lượng(nghìn tấn)	Giá trị sản xuất(tỉ đồng)
Đồng bằng sông Cửu Long	3619,5	128343,0
Cả nước	6332,6	217432,7

Nhận xét nào sau đây đúng về Sản lượng thủy sản và giá trị sản xuất thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long với cả nước năm 2015

A. Sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 59% cả nước.

B. Giá trị sản xuất thủy sản Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 57,1% cả nước.

C. Sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 57,1% cả nước.

D. Giá trị sản xuất thủy sản Đồng bằng sông Cửu Long chiếm dưới 50% cả nước.

Câu 27: Trong sản xuất lương thực, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có :

A. năng suất cao nhất nước ta.

B. diện tích lúa đứng thứ 2 nước ta.

C. bình quân lương thực đầu người cao nhất cả nước.

D. tất cả các tỉnh của đồng bằng.

Câu 28: Nhà máy thủy điện Thác Mơ nằm trên sông

A. Đồng Nai B. Bé C. Sài Gòn D. Vàm Cỏ Đông.

II. Tự luận(3 điểm): Nước ta đang phát triển các ngành kinh tế biển nào ? Nêu các phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển đảo?

-----Hết-----

Ghi chú : Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục phát hành.

**TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY
TỔ XÃ HỘI**

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN ĐỊA LÍ 9**

Năm học: 2021-2022

Thời gian làm bài: 45 phút

Ngày kiểm tra: /4 /2022

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm): Mỗi câu trả lời đúng HS được 0.25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Mã đề														
ĐL9II201	C	A	A	A	B	C	D	A	C	D	A	A	C	C
ĐL9II202	B	A	B	D	A	B	D	C	A	A	A	C	B	A
ĐL9II203	C	C	B	D	D	A	C	C	A	A	A	C	B	A
ĐL9II204	D	C	C	A	A	A	C	B	A	D	C	D	A	B
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Mã đề														
ĐL9II201	B	A	B	D	A	D	D	C	B	A	C	C	D	D
ĐL9II202	C	C	B	D	D	A	C	D	A	A	C	C	B	C
ĐL9II203	D	A	A	C	C	B	C	B	C	B	D	A	B	D
ĐL9II204	D	A	D	C	C	B	D	D	A	A	A	C	C	B

II. PHẦN TỰ LUẬN(3 điểm)

ĐÁP ÁN	ĐIỂM
<p><i>* HS nêu được nước ta đang phát triển các ngành kinh tế biển sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản. - Du lịch biển – đảo. - Khai thác và chế biến khoáng sản biển. - Giao thông vận tải biển. 	<p>1 Điểm 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ</p>
<p><i>* HS trình bày được các phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, đánh giá tiềm năng sinh vật tại các vùng biển sâu. Đầu tư để chuyên hướng khai thác hải sản từ vùng biển ven bờ sang vùng biển nước sâu xa bờ. - Bảo vệ rừng ngập mặn hiện có, đồng thời đẩy mạnh các chương trình trồng rừng ngập mặn. - Bảo vệ rạn san hô ngầm ven biển và cấm khai thác san hô dưới mọi hình thức. - Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. - Phòng chống ô nhiễm biển bởi các yếu tố hóa học, đặc biệt là dầu mỏ. 	<p>2 Điểm 0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ</p>



TRƯỜNG T.H.C.S

NGỌC THỤY